

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN ĐƯỢC HƯỞNG TIỀN BỒI DƯỠNG NGHỀ NĂM 2026
(Kèm theo quyết định số /QĐ-CDLC ngày tháng năm 2026 của Hiệu Trưởng Trường Cao đẳng Lào Cai)

TT	TT lớp	Mã số HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			% được hưởng/mức trần học phí của ngành học	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh		
	Lớp Cao đẳng Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K23: 1 Sinh viên											
1	1	2362102160001	CD.BNT.K23	Hoàng Mạnh Hùng	Nam	19/01/2005	Tày	Bán Bát	Bảo Yên	Lào Cai	40	
	Lớp Cao đẳng Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K25: 3 Sinh viên											
2	1	2562102160001	CD.BNT.K25	Lê Ngọc Đoàn	Nam	02/8/2007	Kinh	Bản Lầu	Trịnh Tường	Lào Cai	40	
3	2	2562102160002	CD.BNT.K25	Châu A Hồ	Nam	10/8/2007	Mông	Hồ Tra	Mường Khoa	Lai Châu	40	
4	3	2562102160003	CD.BNT.K25	Sần Giở Lúy	Nam	10/7/2006	Hà Nhì	Choán Thèn	Y Tý	Lào Cai	40	
	Lớp Cao đẳng Diễn viên múa K23: 3 Sinh viên											
5	1	2362102130003	CD.DVM.K23	Tòng Thị Hạnh	Nữ	03/3/2004	Thái	Bản Ngà	Than Uyên	Lai Châu	40	
6	2	2362102130004	CD.DVM.K23	Đào Thị Huyền	Nữ	08/11/2005	Kinh	Tây Sơn	Phong Thổ	Lai Châu	40	
7	3	2362102130006	CD.DVM.K23	Mạ Thị Minh Nguyệt	Nữ	01/9/2004	Thái	Bản Lá mừng	Than Uyên	Lai Châu	40	
	Lớp Cao đẳng Diễn viên múa K24: 2 Sinh viên											
8	1	2462102130002	CD.DVM.K24	Bản Thị Hạnh	Nữ	01/3/1995	Dao	Bản 3 Vành	Bảo Yên	Lào Cai	40	
9	2	2462102130003	CD.DVM.K24	Mạ Thị Nga	Nữ	20/9/2006	Thái	Lá Mừng	Than Uyên	Lai Châu	40	
	Lớp Cao đẳng Diễn viên múa K25: 2 Sinh viên											
10	1	2562102130001	CD.DVM.K25	Trần Vũ Linh Chi	Nữ	16/11/2007	Kinh	Trực Thanh	Ấu Lâu	Lào Cai	40	
11	2	2562102130003	CD.DVM.K25	Hà Kim Tiệp	Nam	16/10/2005	Thái	Bản Sang Ngà	Mường Than	Lai Châu	40	
	Lớp Cao đẳng Hội họa K23: 4 Sinh viên											
12	1	2362101030001	CD.HHO.K23	Lương Văn Hợp	Nam	30/4/2005	Thái	Bản Màu	Sin Suối Hồ	Lai Châu	30	
13	2	2362101030002	CD.HHO.K23	Hà Quốc Hùng	Nam	15/9/2004	Tày	Tổ 5	Sa Pa	Lào Cai	30	
14	3	2362101030003	CD.HHO.K23	Giàng Thị Bích Ngọc	Nữ	12/4/2004	Mông	Lao Chải	Sì Ma Cai	Lào Cai	30	
15	4	2362101030005	CD.HHO.K23	Trang Thị Khiêm	Nữ	26/5/2004	Giáy	Piềng Láo	Mường Hum	Lào Cai	30	
	Lớp Cao đẳng Hội họa K24: 2 Sinh viên											
16	1	2462101030001	CD.HHO.K24	Nguyễn Thị Mai Anh	Nữ	17/8/2006	Kinh	Bùn 2	Bảo Hà	Lào Cai	30	
17	2	2462101030002	CD.HHO.K24	Nguyễn Thị Ngọc Khánh	Nữ	19/9/2006	Kinh	Tổ 7 Bắc Cường	Cam Đường	Lào Cai	30	
	Lớp Cao đẳng Hội họa K25: 7 Sinh viên											
18	1	2562101030001	CD.HHO.K25	Ma Thị Ca	Nữ	12/01/2007	HMông	Nhân Giồng	Mường Khương	Lào Cai	30	
19	2	2562101030002	CD.HHO.K25	Cư Thị Chủ	Nữ	19/4/2007	Mông	Lùng Sán	Lùng Phình	Lào Cai	30	
20	3	2562101030003	CD.HHO.K25	Giàng Seo Chung	Nam	12/6/2007	HMông	Nàng Càng	Lùng Phình	Lào Cai	30	
21	4	2562101030004	CD.HHO.K25	Trương Quý Đăng	Nam	22/02/2004	Nùng	Bồ Lũng	Bản Lầu	Lào Cai	30	

TT	TT lớp	Mã số HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			% được hưởng/mức trần học phí của ngành học	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh		
22	5	2562101030005	CĐ.HHO.K25	Lù Văn Thiên	Nam	23/4/2007	Mông	Sín Chải A	Cao Sơn	Lào Cai	30	
23	6	2562101030006	CĐ.HHO.K25	Gì A Trung	Nam	07/10/2007	Mông	Dìn Pèng	Trịnh Tường	Lào Cai	30	
24	7	2562101030007	CĐ.HHO.K25	Giàng Seo Vàng	Nam	18/6/2007	Mông	Lao Chải 1	Sì Ma Cai	Lào Cai	30	
Lớp Cao đẳng Piano K23: 3 Sinh viên												
25	1	2362102210001	CĐ.PAN.K23	Giàng A Manh	Nam	15/02/2005	Mông	Hồ Nậm Cản	Mường Lay	Điện Biên	20	
26	2	2362102210002	CĐ.PAN.K23	Trần Đức Minh	Nam	06/10/2004	Kinh	Hà Đông	Kiến Hưng	Hà Nội	20	
27	3	2362102210003	CĐ.PAN.K23	Tần Chính Quân	Nam	07/4/2005	Dao	Ná Lùng	Trịnh Tường	Lào Cai	20	
Lớp Cao đẳng Piano K24: 6 Sinh viên												
28	1	2462102210001	CĐ.PAN.K24	Cư Seo Dương	Nam	25/8/2006	Hmông	Sín Chải 2	Sì Ma Cai	Lào Cai	20	
29	2	2462102210003	CĐ.PAN.K24	Đồ Minh Hiếu	Nam	05/7/1997	Kinh	Tổ 34	Lào Cai	Lào Cai	20	
30	3	2462102210004	CĐ.PAN.K24	Chảo A Náy	Nam	01/02/1993	Dao	Nậm Cung	Mường Khoa	Lai Châu	20	
31	4	2462102210006	CĐ.PAN.K24	H Nguêl NIÊ	Nữ	02/3/1999	Ê Đê	Buôn Hra A	Ea Tul	Đắk Lắk	20	
32	5	2462102210007	CĐ.PAN.K24	Đỗ Xuân Quyết	Nam	27/9/2006	Kinh	Lùng Phình	Lùng Phình	Lào Cai	20	
33	6	2462102210009	CĐ.PAN.K24	Vàng Seo Viên	Nam	13/10/2006	H'Mông	Phìn Giàng C	Bảo Nhai	Lào Cai	20	
Lớp Cao đẳng Piano K25: 3 Sinh viên												
34	1	2562102210002	CĐ.PAN.K25	Ly Gó Phê	Nữ	12/9/2007	Hà Nhì	Lao Chải	Y Tý	Lào Cai	20	
35	2	2562102210005	CĐ.PAN.K25	Vừ A Tăng	Nam	06/4/2005	Mông	Huổi Ít	Nậm Nèn	Điện Biên	20	
36	3	2562102210007	CĐ.PAN.K25	Tao Thị Su Uyn	Nữ	09/12/2007	Lự	Nà Tăm 1	Nậm Tăm	Lai Châu	20	
Lớp Cao đẳng Thanh nhạc K23: 8 Sinh viên												
37	1	2362102250001	CĐ.TNH.K23	Hoàng Văn Chính	Nam	24/01/2005	Dao	Bản Lọt	Phong Hải	Lào Cai	40	
38	2	2362102250002	CĐ.TNH.K23	Sèn Văn Đoàn	Nam	30/4/2005	Tày	Mường Bo 1	Mường Bo	Lào Cai	40	
39	3	2362102250004	CĐ.TNH.K23	Nguyễn Trung Kiên	Nam	25/11/2003	Kinh	Tổ 26	Lào Cai	Lào Cai	40	
40	4	2362102250005	CĐ.TNH.K23	Vũ Thị Nguyệt	Nữ	13/12/2005	Giáy	Tà Van Dáy 2	Tà Van	Lào Cai	40	
41	5	2362102250009	CĐ.TNH.K23	Tráng Thị Sài	Nữ	12/8/2005	H'Mông	Làng mới	Dền Sáng	Lào Cai	40	
42	6	2362102250010	CĐ.TNH.K23	Tần Láo Sử	Nam	25/02/2005	Dao	Suối Thầu 2	A Mú Sung	Lào Cai	40	
43	7	2362102250011	CĐ.TNH.K23	Sùng A Tranh	Nam	08/02/2004	Mông	Huổi Mí	Nậm Nèn	Điện Biên	40	
44	8	2362102250013	CĐ.TNH.K23	Lù Thảo Vân	Nữ	17/02/2005	Mông	Bản Phùng	Lao Chải	Tuyên Quang	40	
Lớp Cao đẳng Thanh nhạc K24: 9 Sinh viên												
45	1	2462102250001	CĐ.TNH.K24	Mùi Văn Đô	Nam	16/02/1999	Tày	Na Hối	Bắc Hà	Lào Cai	40	
46	2	2462102250002	CĐ.TNH.K24	Thùng Thị Huyền	Nữ	01/7/2006	Thái	Pa Tần	Mường Chà	Điện Biên	40	
47	3	2462102250003	CĐ.TNH.K24	Phản Thị Khé	Nữ	28/10/2006	Dao	Liên Hợp	Pắc Ta	Lai Châu	40	
48	4	2462102250004	CĐ.TNH.K24	Chang Thị Mến	Nữ	17/6/2005	Cống	Láng Phiếu	Mường Tè	Lai Châu	40	

TT	TT lớp	Mã số HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			% được hưởng/mức trần học phí của ngành học	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh		
49	5	2462102250005	CĐ.TNH.K24	Hoàng Thị Thanh Ngọc	Nữ	15/3/2005	Tày	Khuổi Phường	Nghĩa Đô	Lào Cai	40	
50	6	2462102250006	CĐ.TNH.K24	Lùng Thị Nhung	Nữ	04/3/2006	Nùng	Bản Mế	Sín Chéng	Lào Cai	40	
51	7	2462102250007	CĐ.TNH.K24	Lò Minh Phương	Nam	03/10/2006	Thái	Bản Cang	Mường Mô	Lai Châu	40	
52	8	2462102250008	CĐ.TNH.K24	Đặng Văn Tiến	Nam	05/4/2004	Tày	Nậm Khạo	Nghĩa Đô	Lào Cai	40	
53	9	2462102250009	CĐ.TNH.K24	Pờ Trung Hiếu	Nam	12/3/2002	Hà Nhì	Má Ký	Mù Cà	Lai Châu	40	
	Lớp Cao đẳng Thanh nhạc K25: 17 Sinh viên											
54	1	2562102250001	CĐ.TNH.K25	Tráng Thị Bình	Nữ	24/10/2006	Mông	Pha Long 1	Pha Long	Lào Cai	40	
55	2	2562102250002	CĐ.TNH.K25	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	03/7/2003	Kinh	Làng Bông	Xuân Quang	Lào Cai	40	
56	3	2562102250004	CĐ.TNH.K25	Hoàng Thị Thanh Huyền	Nữ	16/4/2005	Tày	Thái Hòa	Văn Bàn	Lào Cai	40	
57	4	2562102250005	CĐ.TNH.K25	Quan Thị Kiều	Nữ	01/3/2007	Tày	Làng Chàng	Cốc Lầu	Lào Cai	40	
58	5	2562102250006	CĐ.TNH.K25	Giàng Nghị Lan	Nữ	12/01/2007	Mông	Phìn Chư	Sín Chéng	Lào Cai	40	
59	6	2562102250008	CĐ.TNH.K25	Nguyễn Thị Mai Linh	Nữ	14/8/1996	Kinh	Tổ 4	Bát Xát	Lào Cai	40	
60	7	2562102250009	CĐ.TNH.K25	Lò Văn Ngọc	Nam	11/11/2006	Thái	Bản Lè	Chiềng La	Sơn La	40	
61	8	2562102250010	CĐ.TNH.K25	Trần Thị Yến Nhi	Nữ	20/01/2007	Kinh	Tân Quang	Trịnh Tường	Lào Cai	40	
62	9	2562102250011	CĐ.TNH.K25	Lường Xuân Sơn	Nam	23/4/2003	Tày	Tân Hợp	Bình Lư	Lai Châu	40	
63	10	2562102250012	CĐ.TNH.K25	Tráng Thị Tanh	Nữ	01/4/2003	HMông	Ngải Trồ	Y Tý	Lào Cai	40	
64	11	2562102250013	CĐ.TNH.K25	Đỗ Đức Thành	Nam	29/12/2006	Kinh	Khe Đền	Bảo Thắng	Lào Cai	40	
65	12	2562102250014	CĐ.TNH.K25	Nguyễn Thị Thu Thảo	Nữ	20/12/2007	Tày	Bô	Khánh Yên	Lào Cai	40	
66	13	2562102250015	CĐ.TNH.K25	Nguyễn Anh Thư	Nữ	19/10/2007	Kinh	Đội 9	Mường Than	Lai Châu	40	
67	14	2562102250016	CĐ.TNH.K25	Giàng Seo Tổ	Nam	28/3/2007	HMông	Bản Phố 1	Bắc Hà	Lào Cai	40	
68	15	2562102250017	CĐ.TNH.K25	Hoàng Văn Toàn	Nam	12/10/2006	Giáy	Bản Xèo	Bản Xèo	Lào Cai	40	
69	16	2562102250018	CĐ.TNH.K25	Lù Thị Thùy Trang	Nữ	05/12/2007	Nùng	Thôn Giáp Cự	Bản Lầu	Lào cai	40	
70	17	2562102250019	CĐ.TNH.K25	Lò Thị Hồng Tươi	Nữ	24/02/2007	Dáy	Nậm Chạc	A Mú Sung	Lào Cai	40	
	Lớp Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K24.5: 2 Học sinh											
71	1	2452102160001	TC.BNT.K24.5	Đỗ Thành Công	Nam	12/4/2009	Kinh	Tổ 8	Cam Đường	Lào Cai	40	
72	2	2452102160002	TC.BNT.K24.5	Sùng Trung Hiếu	Nam	04/3/2009	Hmông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	40	
	Lớp Trung cấp Biểu diễn nhạc cụ truyền thống K25.5: 2 Học sinh											
73	1	2552102160001	TC.BNT.K25.5	Ma Văn Đông	Nam	09/10/2010	Mông	Pá Chư Tý	Lùng Phình	Lào Cai	40	
74	2	2552102160003	TC.BNT.K25.5	Vàng Thị Pằng	Nữ	01/01/2010	HMông	Bản Cầm	Phong Hải	Lào Cai	40	
	Lớp Trung cấp Hội họa K23.5: 6 Học sinh											
75	1	2352101030002	TC.HHO.K23.5	Hoàng Thị Lan	Nữ	10/12/2008	Dao	Trà Châu	Bảo Thắng	Lào Cai	30	
76	2	2352101030003	TC.HHO.K23.5	Giàng A Mừng	Nam	05/5/2008	Mông	Cán Cầu	Si Ma Cai	Lào Cai	30	

TT	TT lớp	Mã số HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			% được hưởng/mức trần học phí của ngành học	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh		
77	3	2352101030004	TC.HHO.K23.5	Sùng Đức Quan	Nam	02/9/2008	Mông	Ái Nam	Phong Hải	Lào Cai	30	
78	4	2352101030005	TC.HHO.K23.5	Sùng Thị Sú	Nữ	17/12/2008	Mông	Nàn Ma	Pà Vây Sù	Tuyên Quang	30	
79	5	2352101030006	TC.HHO.K23.5	La Minh Thúy	Nữ	22/01/2008	Giáy	Tổ 11	Cam Đường	Lào Cai	30	
80	6	2352101030010	TC.HHO.K23.5	Trần Thị Huyền Diệu	Nữ	24/12/2008	Kinh	Xuân Hồng	Võ Lao	Lào Cai	30	
Lớp Trung cấp Hội họa K24.5: 10 Học sinh												
81	1	2452101030001	TC.HHO.K24.5	Đặng Long An	Nam	02/3/2009	Kinh	Cốc Lầy	Lào Cai	Lào Cai	30	
82	2	2452101030002	TC.HHO.K24.5	Nguyễn Minh Anh	Nữ	19/11/2009	Kinh	109 Kim Thành	Lào Cai	Lào Cai	30	
83	3	2452101030003	TC.HHO.K24.5	Sùng Seo Châu	Nam	11/01/2009	H'Mông	Lùng Xa 2	Bảo Nhai	Lào Cai	30	
84	4	2452101030004	TC.HHO.K24.5	Vàng Seo Giang	Nam	26/8/2009	Mông	Phìn Giàng B	Bảo Nhai	Lào Cai	30	
85	5	2452101030007	TC.HHO.K24.5	Đỗ Đặng Khánh Linh	Nữ	20/3/2009	Kinh	TDP 4	Sa Pa	Lào Cai	30	
86	6	2452101030008	TC.HHO.K24.5	Chảo Văn Lực	Nam	18/8/2009	Dao	Bản Cam	Gia Phú	Lào Cai	30	
87	7	2452101030009	TC.HHO.K24.5	Chảo Tả Mỷ	Nữ	22/7/2009	Dao	Xả Chải	Ngũ Chi Sơn	Lào Cai	30	
88	8	2452101030010	TC.HHO.K24.5	Đỗ Thị Na	Nữ	04/8/2009	Kinh	Tân Lợi	Gia Phú	Lào Cai	30	
89	9	2452101030011	TC.HHO.K24.5	Hoàng Gia Phong	Nam	18/9/2009	Nùng	Tổ 10	Lào Cai	Lào Cai	30	
90	10	2452101030012	TC.HHO.K24.5	Tráng Thín Sơn	Nam	02/9/2009	Hmông	Sín Lùng Chải	Cao Sơn	Lào Cai	30	
Lớp Trung cấp Hội họa K25.5: 9 Học sinh												
91	1	2552101030001	TC.HHO.K25.5	Lã Hoàng Đạt	Nam	10/9/2009	Tày	Nậm Chôn	Phong Hải	Lào Cai	30	
92	2	2552101030003	TC.HHO.K25.5	Vàng Văn Hải	Nam	28/5/2010	Nùng	Ái Nam	Phong Hải	Lào Cai	30	
93	3	2552101030004	TC.HHO.K25.5	Nguyễn Văn Hiếu	Nam	05/01/2010	Kinh	TDP 2	Phong Hải	Lào Cai	30	
94	4	2552101030005	TC.HHO.K25.5	Lù Đức Huy	Nam	02/01/2010	Giáy	Km8	Lào Cai	Lào Cai	30	
95	5	2552101030006	TC.HHO.K25.5	Hoàng Hải Nam	Nam	10/12/2010	Tày	Tân Trúc	Bảo Hà	Lào Cai	30	
96	6	2552101030007	TC.HHO.K25.5	Phảng Thị Sáng	Nữ	10/01/2010	Hmông	Pờ Si Ngải	Bản Xèo	Lào Cai	30	
97	7	2552101030008	TC.HHO.K25.5	Mạ Thị Thu Thanh	Nữ	03/5/2010	Thái	Là Mường	Than Uyên	Lai Châu	30	
98	8	2552101030009	TC.HHO.K25.5	Ly Seo Thành	Nam	09/9/2010	H'Mông	Chính Chư Phìn	Lùng Phình	Lào Cai	30	
99	9	2552101030010	TC.HHO.K25.5	Lê Nguyễn Thu Trang	Nữ	26/9/2009	Kinh	Tân Bảo	Bát Xát	Lào Cai	30	
Lớp Trung cấp Biểu diễn Múa dân gian dân tộc K23.5: 9 Học sinh												
100	1	2352102070002	TC.NBM.K23.5	Nguyễn Hải Đăng	Nữ	17/12/2008	Dao	Giang Đông 1	Lào Cai	Lào Cai	40	
101	2	2352102070004	TC.NBM.K23.5	Tòng Ngọc Duyên	Nữ	18/02/2008	Thái	Ít	Mường Than	Lai Châu	40	
102	3	2352102070006	TC.NBM.K23.5	Lò Thái Hoàng	Nam	21/5/2008	Thái	Bản Lè	Chiềng La	Sơn La	40	
103	4	2352102070007	TC.NBM.K23.5	Lường Gia Hưng	Nam	16/01/2008	Thái	Bản Lướt	Mường Kim	Lai Châu	40	
104	5	2352102070008	TC.NBM.K23.5	Nùng Văn Huy	Nam	19/01/2007	Thái	Phiêng Cầm	Than Uyên	Lai Châu	40	
105	6	2352102070013	TC.NBM.K23.5	Lò Thái Toàn	Nam	01/02/2008	Thái	Bản Lè	Chiềng La	Sơn La	40	

TT	TT lớp	Mã số HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			% được hưởng/mức trần học phí của ngành học	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh		
106	7	2352102070014	TC.NBM.K23.5	Lường Mạnh Toàn	Nam	12/01/2008	Thái	Tân Bắc	Pắc Ta	Lai Châu	40	
107	8	2352102070015	TC.NBM.K23.5	Đèo Thị Tươi	Nữ	23/11/2008	Thái	Lun 2	Mường Kim	Lai Châu	40	
108	9	2352102070016	TC.NBM.K23.5	Hà Anh Vũ	Nam	15/5/2008	Thái	Phiêng Cầm	Than Uyên	Lai Châu	40	
Lớp Trung cấp Biểu diễn Múa dân gian dân tộc K24.5: 11 Học sinh												
109	1	2452102070001	TC.NBM.K24.5	Vũ Hoàng Anh	Nam	21/01/2008	Kinh	133 Hàm Nghi	Lào Cai	Lào Cai	40	
110	2	2452102070003	TC.NBM.K24.5	Lò Nguyệt Ánh	Nữ	03/7/2009	Thái	Pắc Ta	Pắc Ta	Lai Châu	40	
111	3	2452102070004	TC.NBM.K24.5	Lò Thị Hồng Diệp	Nữ	12/11/2009	Thái	Là 2	Mường Kim	Lai Châu	40	
112	4	2452102070005	TC.NBM.K24.5	Soi Thị Hào Diệu	Nữ	10/4/2009	Thái	Bản Lướt	Mường Kim	Lai Châu	40	
113	5	2452102070006	TC.NBM.K24.5	Vàng Thị Dung	Nữ	29/11/2009	Mông	Làng Giàng	Bảo Thắng	Lào Cai	40	
114	6	2452102070008	TC.NBM.K24.5	Vì Thị Hương Giang	Nữ	05/8/2009	Thái	Hua Puông	Tân Uyên	Lai Châu	40	
115	7	2452102070009	TC.NBM.K24.5	Lò Thị Hạnh	Nữ	20/5/2009	Thái	Hua Puông	Tân Uyên	Lai Châu	40	
116	8	2452102070010	TC.NBM.K24.5	Lường Văn Khải	Nam	10/10/2009	Thái	Bản Củng	Khoen On	Lai Châu	40	
117	9	2452102070013	TC.NBM.K24.5	Lò Thị Khánh Ly	Nữ	30/10/2009	Thái	Nậm Ty	Nậm Hàng	Lai Châu	40	
118	10	2452102070014	TC.NBM.K24.5	Giàng Thị Phụng	Nữ	24/6/2009	Hmông	Phú Long 1	Bảo Thắng	Lào Cai	40	
119	11	2452102070016	TC.NBM.K24.5	Ngô Thùy Trâm	Nữ	09/10/2009	Tày	Cảng 2	Hợp Thành	Lào Cai	40	
Lớp Trung cấp Biểu diễn Múa dân gian dân tộc K25.5: 12 Học sinh												
120	1	2552102070001	TC.NBM.K25.5	Lường Tuấn Anh	Nam	03/02/2010	Thái	Bản Bó	Mường Tè	Lai Châu	40	
121	2	2552102070002	TC.NBM.K25.5	Tòng Thị Ngọc Hân	Nữ	22/3/2010	Thái	Pắc Ta	Pắc Ta	Lai Châu	40	
122	3	2552102070004	TC.NBM.K25.5	Nguyễn Hà Linh	Nữ	07/9/2010	Kinh	Tổ 11 Phú Diễn	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	40	
123	4	2552102070005	TC.NBM.K25.5	Hà Bảo Long	Nam	08/8/2010	Thái	Én Nội	Than Uyên	Lai Châu	40	
124	5	2552102070006	TC.NBM.K25.5	Lý Hà Mi	Nữ	10/8/2010	Kinh	Tổ 18	Cam Đường	Lào Cai	40	
125	6	2552102070008	TC.NBM.K25.5	Hà Thảo Nguyên	Nữ	19/12/2010	Thái	Sen Đông	Than Uyên	Lai Châu	40	
126	7	2552102070010	TC.NBM.K25.5	Nguyễn Hà Nhi	Nữ	07/9/2010	Kinh	Tổ 11 Phú Diễn	Bắc Từ Liêm	Hà Nội	40	
127	8	2552102070011	TC.NBM.K25.5	Tòng Thị Thủy Oanh	Nữ	03/5/2010	Thái	Hát Nam	Mường Than	Lai Châu	40	
128	9	2552102070012	TC.NBM.K25.5	Thào Thị Sa	Nữ	29/4/2010	Hmông	Ý Linh Hồ	Tà Van	Lào Cai	40	
129	10	2552102070013	TC.NBM.K25.5	Lò Nguyệt Thẩm	Nữ	26/4/2010	Thái	Bản Ngà	Than Uyên	Lai Châu	40	
130	11	2552102070015	TC.NBM.K25.5	Tòng Quốc Tuấn	Nam	24/11/2010	Thái	Pầu Pát	Tân Uyên	Lai Châu	40	
131	12	2552102070016	TC.NBM.K25.5	Hà Minh Tuyền	Nữ	03/3/2010	Tày	25	Lào Cai	Lào Cai	40	
Lớp Trung cấp Organ K23.5: 7 Học sinh												
132	1	2352102240001	TC.ORG.K23.5	Hán Duy Anh	Nam	16/8/2008	Kinh	Tổ 12	Lào Cai	Lào Cai	20	
133	2	2352102240002	TC.ORG.K23.5	Giàng Thị Bầu	Nữ	27/6/2008	Hmông	Phìn Giàng	Xuân Quang	Lào Cai	20	
134	3	2352102240003	TC.ORG.K23.5	Lù Thị Chí	Nữ	20/7/2008	Mông	La Chí Chải	Pà Vầy Sù	Tuyên Quang	20	

TT	TT lớp	Mã số HSSV	Mã lớp	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú			% được hưởng/mức trần học phí của ngành học	Ghi chú
								Thôn, tổ	Phường, xã	Tỉnh		
163	1	2452102250001	TC.TNH.K24.5	Hoàng Linh Đan	Nữ	25/02/2001	Kinh	Tổ 25	Lào Cai	Lào Cai	40	
164	2	2452102250003	TC.TNH.K24.5	Nguyễn Thị Ngọc Hà	Nữ	15/6/2009	Kinh	Tổ 2	Sa Pa	Lào Cai	40	
165	3	2452102250004	TC.TNH.K24.5	Lự Thị Thu Hiền	Nữ	15/8/2009	Tày	Mường 2	Bảo Thắng	Lào Cai	40	
166	4	2452102250005	TC.TNH.K24.5	Vàng Thị Hoa	Nữ	06/8/2009	Mông	Mai Thượng	Xuân Hòa	Lào Cai	40	
167	5	2452102250006	TC.TNH.K24.5	Sùng Thị Thu Hương	Nữ	02/7/2009	H'Mông	Hoàng Hạ	Bắc Hà	Lào Cai	40	
168	6	2452102250008	TC.TNH.K24.5	Lục Thị Yên Nhi	Nữ	19/11/2009	Giáy	Tả Chải Mông	Tả Van	Lào Cai	40	
Lớp Trung cấp Thanh nhạc K25.5: 8 Học sinh												
169	1	2552102250002	TC.TNH.K25.5	Giàng Thị Gánh	Nữ	28/11/2010	Mông	Nhiều Cù Ván	Lùng Phình	Lào Cai	40	
170	2	2552102250003	TC.TNH.K25.5	Hầu Thị Khu	Nữ	13/01/2010	HMông	Pờ Si Ngải	Bản Xèo	Lào Cai	40	
171	3	2552102250004	TC.TNH.K25.5	Tần Phương Phương	Nữ	20/11/2010	Dao	Chu Cang Hồ	Cốc San	Lào Cai	40	
172	4	2552102250005	TC.TNH.K25.5	Vàng Thị Sâm	Nữ	14/4/2010	Thái	Bản Co Nội	Than Uyên	Lai Châu	40	
173	5	2552102250006	TC.TNH.K25.5	Lò Tuấn Tú	Nam	09/8/2010	Thái	Nà Khiết	Than Uyên	Lai Châu	40	
174	6	2552102250007	TC.TNH.K25.5	Giàng Ngọc Tuyền	Nữ	23/01/2010	Giáy	Hải Khê	Bát Xát	Lào Cai	40	
175	7	2552102250008	TC.TNH.K25.5	Lò Thị Vân	Nữ	10/10/2010	Thái	Bản Khoang	Mường Than	Lai Châu	40	
176	8	2552102250009	TC.TNH.K25.5	Nguyễn Lê Khánh Vy	Nữ	01/02/2010	Kinh	An Trà	Bảo Thắng	Lào Cai	40	

Tổng số HSSV được hưởng tiền bồi dưỡng nghề: 176/28 lớp, trong đó:

- HSSV được hưởng 40% học phí ngành học: 99
- HSSV được hưởng 30% học phí ngành học: 38
- HSSV được hưởng 20% học phí ngành học: 39